TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: 56/2019/QĐST-DS	*Biên Hòa, ngày 05 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH NGOÀI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị Huệ.

Thư ký phiên họp: Ông Đặng Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, mở phiên họp xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 532/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định mở phiên họp số 715/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2019;

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu phố 4, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên họp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 19, Khu phố 6, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**;** vắng mặt tại phiên họp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa nhận định.

[1] Về tố tụng:

Ngày 08 tháng 7 năm 2019, bà Nguyễn Thị H nộp đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Th về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; Hồ sơ được Trung tâm hòa giải – đối thoại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiếp nhận giải quyết. Quá trình vận động hòa giải, bà H, bà Th đã thống nhất hòa giải được các nội dung tranh chấp. Trung tâm hòa giải – đối thoại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải thành vào ngày 10 tháng 7 năm 2019. Bà H, bà Th cư trú tại phường L thuộc thành phố Biên Hòa, bà H đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, đơn yêu cầu của bà H được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Bà H và bà Th có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ngày 01 tháng 02 năm 2016, bà Nguyễn Thị H cho bà Nguyễn Thị Th vay số tiền 1.650.000đồng (một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất, giữa hai bên có lập giấy tờ tay là Giấy mượn tiền. Thời hạn vay là 01 năm. Sau khi hết thời hạn, bà H nhiều lần yêu cầu trả nhưng phía bà Th không thực hiện. Sau khi bà H nộp đơn khởi kiện, phía bà Th đồng ý trả số tiền trên cho bà H. Bà H không yêu cầu tính lãi suất.

Xét thấy: Nội dung thỏa thuận hòa giải thành của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba.

Căn cứ quy định tại Điều 367, 417, 419 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 532/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2019, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Th đồng ý số tiền 1.650.000đồng (một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị H.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Điều 2. Lệ phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng bà H đã nộp theo biên lai thu số 0008779 ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, bà H đã nộp đủ lệ phí.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Điều 4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

Đỗ Thị Huệ

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 32-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định.

(3) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(4) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(5) và (15) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự.

(6) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(7) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu. Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản ủy quyền ngày…. tháng…. năm…..".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, địa chỉ là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, địa chỉ ……là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...).

(8) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu. Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là

Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(9) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (6).

(10) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (7).

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tóm tắt nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(13) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận đơn yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(14) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan (nếu có) để ra quyết định.

(16) Ghi nội dung thỏa thuận của các đương sự tại Biên bản hòa giải thành ngoài Tòa án.